

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

#### 1. Tên học phần: Dược Thú y chuyên ngành 2

(Specialized Veterinary Pharmacology 2)

- Mã số học phần: NS255
- Số tín chỉ học phần: 05 tín chỉ
- Số tiết học phần: 45 tiết lý thuyết, 60 tiết thực hành

#### 2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn: Bộ môn Thú y
- Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Nông nghiệp

#### 3. Điều kiện:

- Điều kiện tiên quyết: tổng số tín chỉ tích lũy  $\geq 145$  tín chỉ
- Điều kiện song hành:

#### 4. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CĐR CTĐT
4.1	Kiến thức tổng hợp nâng cao chuyên ngành Dược Thú y về dược lý, dược động- lực học và độc tính của thuốc	2.1.2b; 2.1.3b
4.2	Phân tích, chẩn đoán và giải quyết các vấn đề phát sinh quá trình sử dụng thuốc Thú y	2.2.1a,b
4.3	Khả năng tự nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu, tổng hợp thông tin trong hoạt động chuyên môn lĩnh vực dược Thú y	2.2.2a,c
4.4	Tác phong nghiêm túc, ý thức khoa học và chuẩn xác trong công tác Thú y	2.3

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
	<b>Kiến thức</b>		
CO1	Phân tích được sự tương tác và chuyển hoá của thuốc bên trong cơ thể động vật	4.1	2.1.2b; 2.1.3b
CO2	Trình bày các cơ chế đề kháng thuốc và hậu quả tác động	4.1	2.1.3b
CO3	Trình bày sự tồn dư thuốc và các tác động có hại của thuốc đối với động vật, con người	4.1	2.1.3b
	<b>Kỹ năng</b>		

<b>CDR HP</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>CDR CTĐT</b>
	<b>Kiến thức</b>		
CO4	Áp dụng các phương pháp, kỹ thuật hiện đại trong việc xác định độc tính và sự tồn dư thuốc trên động vật	4.2	2.2.1b
CO5	Phân tích và xây dựng phương pháp sử dụng thuốc hiệu quả, phòng tránh hiện tượng đề kháng thuốc	4.2	2.2.1b
CO6	Tham vấn trong việc bào chế và sử dụng các dược phẩm Thú y	4.2	2.2.1a
CO7	Tự nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu, định hướng xu thế trong lĩnh vực dược phẩm Thú y	4.3	2.2.2a,c
	<b>Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
CO8	Xây dựng thái độ nghiêm túc, khoa học trong công tác chuyên môn Thú y	4.4	2.3a
CO9	Hình thành thói quen cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật ứng dụng trong công việc	4.4	2.3b

## 6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được giảng dạy nhằm mục đích cung cấp kiến thức tổng hợp chuyên ngành Dược Thú y (dược lý, dược động-lực học và độc tính của thuốc), giúp sinh viên vận dụng khi thực hiện Tiểu luận tốt nghiệp, cũng như công tác nghiệp vụ Dược Thú y sau này. Học phần gồm: 6 chương lý thuyết cung cấp kiến thức về các vấn đề chuyển hoá, tồn dư và độc tính của thuốc; 5 bài thực hành cung cấp những phương pháp căn bản trong việc đánh giá tác động của thuốc.

## 7. Cấu trúc nội dung học phần:

### 7.1. Lý thuyết (45 tiết)

	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>CDR HP</b>
<b>Chương 1.</b>	<b>Tầm quan trọng của tương tác và sự chuyển hoá thuốc</b>	<b>8</b>	CO1; CO3
1.1.	Dự đoán khả năng tương tác thuốc	2	
1.2.	Độc tính kết hợp	3	
1.3.	Sự chuyển hoá của thuốc	3	
<b>Chương 2.</b>	<b>Tác động có hại của thuốc</b>	<b>8</b>	CO1; CO3; CO4
2.1.	Lạm dụng và lệ thuộc thuốc	2	
2.2.	Dị ứng thuốc	2	
2.3.	Phản ứng có hại của thuốc và bệnh gây ra do thuốc	4	
<b>Chương 3.</b>	<b>Tồn dư thuốc</b>	<b>8</b>	CO1; CO2; CO3; CO5
3.1.	Sự tích lũy và tồn dư	3	
3.2.	Phân tích các mối nguy hại	3	
3.3.	Khía cạnh và thách thức trong kiểm soát	2	

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
<b>Chương 4.</b>	<b>Sự đề kháng thuốc</b>	<b>7</b>	CO1; CO2;
4.1.	Cơ chế đề kháng thuốc	3	CO3; CO5;
4.2.	Sự chịu đựng và sự đề kháng	2	CO6
4.3.	Phương pháp tiếp cận mới trong nghiên cứu đề kháng thuốc	2	
<b>Chương 5.</b>	<b>Sử dụng thuốc trong thời kỳ mang thai và tiết sữa</b>	<b>7</b>	CO1; CO3;
5.1.	Sự phân bố thuốc trong cơ thể giai đoạn mang thai – tiết sữa	3	CO4
5.2.	Liều sử dụng an toàn	2	
5.3.	Tác động nguy hại của thuốc	2	
<b>Chương 6.</b>	<b>Tác động của thực phẩm chức năng và thuốc có nguồn gốc dược thảo</b>	<b>7</b>	CO1; CO3;
6.1.	Hiệu quả tác động dược lý	3	CO4; CO6
6.2.	Độc tính đối với cơ thể động vật	4	

## 7.2. Thực hành (30 tiết)

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
<b>Bài 1.</b>	<b>Xác định độc tính cấp tính của Enrofloxacin trên chuột</b>	<b>12</b>	CO1; CO3;
1.1.	Xác định nồng độ cho uống	3	CO4
1.2.	Khảo sát triệu chứng và bệnh tích trong 14 ngày	6	
1.3.	Xác định liều LD <sub>50</sub> trên chuột	3	
<b>Bài 2.</b>	<b>Xác định độc tính mãn tính của Enrofloxacin trên chuột</b>	<b>12</b>	CO1; CO3;
2.1.	Xác định nồng độ cho uống/ngày	2	CO4
2.2.	Khảo sát triệu chứng và bệnh tích trong 28 ngày	8	
2.3.	Xác định liều LD <sub>50</sub> trên chuột	2	
<b>Bài 3.</b>	<b>Khảo sát sự đề kháng kháng sinh của <i>E. coli</i> phân lập trên heo tiêu chảy</b>	<b>12</b>	CO2; CO4;
3.1.	Phương pháp kháng sinh đồ	5	CO5
3.2.	Phương pháp PCR xác định gene đề kháng kháng sinh	7	
<b>Bài 4.</b>	<b>Xác định sự tồn dư của Enrofloxacin trong sữa bò</b>	<b>12</b>	CO1; CO3;
4.1.	Phương pháp sắc ký HPLC	8	CO4
4.2.	Xác định ngưỡng chấp nhận/loại bỏ	4	
<b>Bài 5.</b>	<b>Kiểm tra hiệu quả điều trị của cao hành lá trên chuột bị gây nhiễm <i>E. coli</i></b>	<b>12</b>	CO2; CO3;
5.1.	Xác định nồng độ sử dụng	2	CO4; CO5;
5.2.	Khảo sát triệu chứng và thời gian phục hồi sau 7 ngày	7	CO6
5.3.	Xác định liều LD <sub>50</sub> của cao hành lá	3	

## 8. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: các khái niệm, cơ chế, phân loại, phương pháp kiểm tra, đánh giá dược tính và độc tính của thuốc được thuyết giảng ở mỗi chương.
- Báo cáo chuyên đề: sinh viên được giao chuyên đề báo cáo ở mỗi chương.
- Thực hành: các thí nghiệm được thực hiện tại phòng thí nghiệm và được đánh giá kết quả.

## 9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 90% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ báo cáo chuyên đề và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

## 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

### 10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
1	Điểm chuyên cần	Tham dự ít nhất 40/45 tiết	10%	CO8
2	Điểm báo cáo chuyên đề	- Báo cáo đúng nội dung được phân công - Được nhóm xác nhận có tham gia - Tham dự đầy đủ các buổi báo cáo	20%	CO1; CO2; CO3; CO7; CO8; CO9
3	Điểm thực hành	- Báo cáo kết quả thực hành đầy đủ, đúng tiến độ - Tham gia 100% số giờ	10%	CO2; CO3; CO7; CO4; CO5
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi trắc nghiệm 60 câu (90 phút) - Tham dự đủ 90% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi	60%	CO1; CO2; CO3

### 10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Medical chemistry (0 471 48935 2) / GARETH THOMAS, 0 471 48935 2.- 615.19/ T457	
[2] Giáo trình dược lý thú y / Huỳnh Kim Diệu - Năm xuất bản ngoài bìa 2009.- 636.08957/ D309	MOL.053269 MOL.053270 MON.031258
[3] Drugs during pregnancy and lactation : treatment options and risk assesment / edited by Christof Schaefer, Paul Peters, and Richard K.	MON.026621

Miller. - Previous ed.: 2001., 9780444520722.- 618.32/ D794	
[4] Basic pharmacology : Understanding drug actions and reactions / Maria A. Hernandez, Appu Rathinavelu, 9781587161605.- 615.1/ H557	KH.001092
[5] Dược lực học / Trần Thị Thu Hằng.- 615.1/ H116	MOL.015675
[6] Basic and clinical pharmacology, 0 8385 0619 4.- 615.1/ B311	

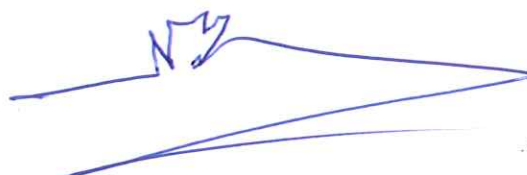
Cần Thơ, ngày 28 tháng 5 năm 2019

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA**



**PGS.TS. Lê Văn Vàng**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



**PGS.TS. Trần Ngọc Bích**